

Bản án số: 220/2023/DS-PT

Ngày: 17 - 5 - 2023

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và di dời tài sản gắn liền với đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tăng;

Ông Ngô Tấn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phan Trung Quốc – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 453/2022/TLPT-DS ngày 29/12/2022 về Tranh chấp quyền sử dụng đất và di dời tài sản gắn liền với đất;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 150/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Nguyễn Thị C, sinh năm 1948;

Người đại diện theo ủy quyền của bà C là: Lê Văn P, sinh năm 1987. Cùng địa chỉ: Số nhà B, ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/02/2023).

2. Lê Thị H, sinh năm 1935 (Chết 10/7/2019);

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H là:

2.1. Nguyễn Thị H1, sinh năm 1954 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

2.2. Nguyễn Thị L, sinh năm 1957 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2.3. Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1959 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2.4. Nguyễn Thị Thu E, sinh năm 1959 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà H, khu phố D, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2.5. Nguyễn Thị H2, sinh năm 1962 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn Ó, huyện T, tỉnh An Giang.

2.6. Nguyễn Văn N, sinh năm 1962 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2.7. Nguyễn Thị Tuyết H3, sinh năm 1964 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2.8. Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1968 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

2.9. Nguyễn Thị P1, sinh năm 1970 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2.10. Nguyễn Thị Ú (L1), sinh năm 1978 (Vắng mặt);

2.11. Nguyễn Thị Ú (N2), sinh năm 1978 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà H, khu phố D, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3. Lê Văn K, sinh năm 1931 (Chết 15/9/2022);

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K là:

3.1. Lê Thanh T1, sinh năm 1983;

3.2. Lê Tứ H4, sinh năm 1972 (Xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Lê Thị Ngọc Á, sinh năm 1981 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyễn Văn D, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn D là: Anh Nguyễn Văn P2, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số nhà B, ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/5/2023).

- *Bị đơn:* Lê Tứ N3, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trần Thị L2, sinh năm 1976;

2. Lê Trọng T2, sinh năm 2005;

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Lê Trọng T2 là: Anh Lê Tứ N3 và chị Trần Thị L2 (Là cha, mẹ đẻ). Cùng địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Lê Văn D1, sinh năm 1930 (Chết 09/5/2005);

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng cho ông Lê Văn D1 là:

3.1. Nguyễn Thị C, sinh năm 1948;

3.2. Lê Xuân T3, sinh năm 1976;

3.3. Lê Nhật T4, sinh năm 1979;

3.4. Lê Thị Nhật P3, sinh năm 1972;

3.5. Lê Thị Bích V, sinh năm 1983;

3.6. Lê Thị Trúc L3, sinh năm 1989;

3.7. Lê Văn P, sinh năm 1987;

3.8. Lê Thị Bích T5, sinh năm 1990;

3.8. Lê Thị Diễm T6 , sinh năm 1992;

3.9. Lê Vũ L4, sinh năm 1993;

3.10. Lê Tứ N3, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.11. Lê Tứ T7, sinh năm 1970 (Chết 2016);

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của anh Lê Tứ T7 là:

3.11.1. Nguyễn Thị L5, sinh năm 1966 (Vắng mặt);

3.11.2. Lê Thị Thu T8, sinh năm 1997 (Vắng mặt);

3.11.3. Lê Thị Thảo N4, sinh năm 2005;

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Lê Thị Thảo N4 là: Chị Nguyễn Thị L5, sinh năm 1966 (Là mẹ đẻ). Cùng địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Lê Thị X, sinh năm 1945 (Chết 02/6/2013);

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị X là:

4.1. Nguyễn Văn C1, sinh năm 1945 (Vắng mặt);

4.2. Nguyễn Văn N5, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

4.3. Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 (Vắng mặt);

4.4. Nguyễn Văn D, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn D là: Anh Nguyễn Văn P2, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số nhà B, ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/5/2023).

4.5. Nguyễn Văn T9, sinh năm 1980 (Vắng mặt);

4.6. Nguyễn Thị Mỹ N6, sinh năm 1985 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

4.7. Nguyễn Thị T10, sinh năm 1981 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

5. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị C là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, bà Lê Thị H, ông Lê Văn K, anh Nguyễn Văn D trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Lê Văn Đ và cụ Huỳnh Thị T11 chết để lại diện tích 1.365,5m² đất thổ cư (Không để lại di chúc). Hiện nay đất này do bà C đang quản lý, sử dụng và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước đây cụ Đ, cụ C2 (Vợ kế cụ Đ) có cho bà C diện tích 1.238,2m² và được sự đồng ý chấp thuận của tất cả anh, chị, em trong gia đình ngày 17/10/2017 và được chứng thực của UBND xã T. Ngoài ra, còn 127,3m² đất có chiều ngang 7m, dài 18m thuộc một phần thửa 21, tờ bản đồ số 105 thì tất cả anh, em thỏa thuận giao cho bà C sử dụng, nhưng anh Lê Tứ N3 (Là con đẻ bà C) đã tự ý lấn chiếm sử dụng.

Vì vậy, bà H, ông K, bà C, anh D yêu cầu anh Lê Tứ N3 phải di dời toàn bộ tài sản để trả lại diện tích đất chiều ngang 7m, chiều dài 18m, diện tích 127,3m², thuộc một phần thửa 21, tờ bản đồ số 105 (Đo đạc thực tế là 148,9m²), thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 105 (Theo bản đồ địa chính chính quy), theo bản đồ 299 là một phần thửa đất số 2003, tờ bản đồ số 05, trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 1.

- Bị đơn anh Lê Tứ N3 và là người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị L2, anh Lê Trọng T2 trình bày:

Vào năm 1990, khi anh có vợ thì bà N7 kế là cụ Phạm Thị C3 có cho anh 01 nền nhà diện tích 127,3m² ngay cạnh hẻm (A) để ra riêng. Trước khi cất nhà, anh có lắp 01 cái hẻm, sau đó thì Nhà nước mới thấy hộ anh nghèo nên

cho cây để cất nhà theo Nghị định 167 của Chính phủ. Chính quyền địa phương có ra tận nơi miếng đất của anh để khảo sát và được ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em đồng ý. Ban nhân dân ấp và UBND xã T cùng phối hợp cất nhà căn này. Hiện nay anh vẫn còn nợ tiền cất nhà của Nhà nước 8.000.000đ.

Căn nhà có kết cấu là nhà sàn, cột bê tông. Cách đây 08 năm, anh có mở rộng thêm diện tích để cất nhà chứa thuốc nam tại phần đất cặp mé sông thì mẹ anh bà C tranh chấp. Do đó, anh không đồng ý yêu cầu của các đồng Nguyên đơn. Đối với phần đất cặp mé sông anh đang cất nhà để chứa thuốc nam nếu Nhà nước có nhu cầu thì anh trả lại.

- Những Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị H có đơn xin vắng mặt và trình bày ý kiến:

Thông nhất không nhận thừa kế di sản của bà H, đồng ý giao lại cho bà Nguyễn Thị C thừa kế di sản liên quan đến tranh chấp với ông Lê Tứ N3.

- Những Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn D1 có đơn xin vắng mặt và trình bày ý kiến:

Thông nhất giao toàn bộ đất đang tranh chấp lại cho bà Nguyễn Thị C toàn quyền quản lý, sử dụng và quyết định.

- Những Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị X có đơn xin vắng mặt có trình bày ý kiến:

Thông nhất giao phần đất lại cho bà Nguyễn Thị C.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn D1 có anh Lê Văn P trình bày:

Thông nhất giao toàn bộ đất đang tranh chấp lại cho bà Nguyễn Thị C toàn quyền quản lý, sử dụng và quyết định.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn D1 có anh Lê Tứ N3 trình bày:

Không đồng ý yêu cầu của các đồng Nguyên đơn.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện T có đơn xin vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 123/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình đã xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn K1, anh Nguyễn Văn D.

- Giữ nguyên hiện trạng nhà và đất thực đo cho hộ gia đình anh Lê Tứ N3 tiếp tục quản lý, sử dụng. Theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Đồng Tháp ngày 10/3/2022, từ mốc M1- M2 – M3 – M4 trở về M1 kèm theo.

- Hộ gia đình anh Lê Tứ N3 được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/10/2022 bà Nguyễn Thị C làm đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại và tuyên buộc anh Lê Tứ N3 tháo dỡ, di dời vật kiến trúc, công trình xây dựng gắn liền trên đất trả lại cho bà C diện tích 148,9m².

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của mình, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

- + Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- + Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc đất tranh chấp là của vợ chồng cụ Lê Văn Đ (1920 – 1968) và cụ Huỳnh Thị T11 chết để lại diện tích 1.365,5m². Cụ Đ và cụ T11 có 04 người con gồm: Bà Lê Thị H (1935 – 2019), ông Lê Văn K (1931 – 2022), ông Lê Văn D1 (1930 – 2005, chồng bà C), bà Lê Thị X (1945 – 2013, mẹ anh D). Sau khi cụ T11 chết, cụ Đ có thêm vợ kế là cụ Phạm Thị C3 (1927 – 2016, không có con chung). Quá trình sử dụng đất, đến năm 1990 khi anh Lê Tứ N3 (Con của ông D1 và bà C) có vợ, nên cụ C3 có cho anh N3 một phần đất để cất nhà ở. Đến ngày 17/10/2017, bà H, ông D, bà C và ông K làm “Giấy thỏa thuận” về việc giao quyền của các thành viên trong hộ gia đình. Theo đó, bà H, anh D, bà C và ông K thống nhất giao toàn bộ 1.238,2m² đất thuộc thửa 21, tờ bản đồ số 105, tại xã T, huyện T cho bà Nguyễn Thị C được nhận thừa kế của cụ Đ và cụ C3 để lại.

[2] Bà H, ông K, bà C, anh D cho rằng còn 148,9m², thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 105, trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 1 là di sản của cụ Đ và cụ T11 được tất cả những người đồng thừa kế thỏa thuận giao cho bà C sử dụng, nhưng anh Lê Tứ N3 đã tự ý lấn chiếm sử dụng. Vì vậy, bà H, ông K, bà C, anh D yêu cầu anh Lê Tứ N3 phải di dời toàn bộ tài sản để trả lại diện tích đất nêu trên là không có căn cứ. Bởi vì, cụ C3 cũng là vợ của cụ Đ, khi cụ Đ chết thì cụ C3 cũng được hưởng thừa kế một phần di sản của cụ Đ. Vì vậy, cụ C3 cho anh N3 148,9m² cũng không vượt quá phần mà cụ C3 được hưởng thừa kế di sản của Đ. Mặt khác, từ năm 1990 khi anh N3 cất nhà ở đến năm 2017 mới xảy ra tranh chấp (Gần 30 năm) nhưng không có ai ngăn cản, tranh chấp. Khi bà H, anh D, bà C và ông K làm “Giấy thỏa thuận” về việc giao quyền của các thành viên trong hộ gia đình ngày 17/10/2017 cũng chỉ giao cho bà C 1.238,2m² đất, không có phần đất anh N3 đang sử dụng. Do đó, anh N3 cho rằng cụ C3 đã cho anh phần đất 148,9m² nêu trên là có căn cứ.

Bà C kháng cáo yêu cầu anh N3 di dời tài sản để trả lại cho bà 148,9m² đất nêu trên, nhưng bà không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên không chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Để thuận tiện cho việc thi hành án Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cách tuyên án.

Do bà C là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 91, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 166; Điều 203 Luật đất đai, Điều 263 Bộ Luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.
3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C; Bà Lê Thị H (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H gồm: Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Thu E, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Tuyết H3, Nguyễn Hữu N1, Nguyễn Thị P1, Nguyễn Thị Ú (Lớn) Nguyễn Thị Ú (Nhỏ)); Ông Lê Văn K (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K gồm: Lê Thanh T1, Lê Tứ H4, Lê Thị Ngọc Á); Anh Nguyễn Văn D.
4. Hộ gia đình anh Lê Tứ N3 gồm: Anh Lê Tứ N3, chị Trần Thị L2 và anh Lê Trọng T2 được quyền tiếp tục sử dụng 148,9m² đất trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 1 thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 105 (Theo Bản đồ địa chính chính quy).

(Kèm theo Sơ đồ đo đạc thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp (Điều chỉnh) giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị C với bị đơn Lê Tứ N3 ngày 10/3/2022 của Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện T).

Hộ gia đình anh Lê Tứ N3 gồm: Anh Lê Tứ N3, chị Trần Thị L2 và anh Lê Trọng T2 được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Về mục đích sử dụng đất do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Bà Lê Thị H (Có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng nêu trên), bà Nguyễn Thị C, ông Lê Văn K (Có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng nêu trên) và anh Nguyễn Văn D liên đới chịu 2.053.515 đồng (Đã nộp xong).

6. Về án phí:

+ Bà Lê Thị H, bà Nguyễn Thị C, ông Lê Văn K được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Nguyễn Văn D phải chịu 446.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0004544 ngày 04/01/2019 và số 0011043 ngày 20/01/2021 mà bà H, bà C, ông K và anh D đã nộp.

+ Bà Lê Thị H (Có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng nêu trên), bà Nguyễn Thị C, ông Lê Văn K (Có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng nêu trên) và anh Nguyễn Văn D được nhận lại tiền tạm ứng án phí còn thừa là 153.300 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện Thanh Bình;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt